

Số: 97 /KH-CDYTBM

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH
CHI TIẾT THỰC HIỆN ĐÀO TẠO MÔN HỌC/ MÔ ĐUN NĂM HỌC 2026 – 2027

Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-CDYTBM ngày 14 tháng 8 năm 2026 của Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai về việc ban hành Kế hoạch đào tạo năm học 2026-2027;

Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai thông báo Kế hoạch chi tiết thực hiện đào tạo môn học/mô đun năm học 2026-2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Mốc thời gian đào tạo

STT	Khung kế hoạch	Thời gian	Ghi chú
1.	Học kỳ I	Từ 17/08/2026 đến 31/01/2027	
	Xét điểm rèn luyện	Từ 15/02/2027 đến 28/02/2027	
	Xét học bổng	Từ 28/02/2027 đến 07/03/2027	
2.	Học kỳ II	Từ 15/02/2027 đến 04/07/2027	
	Xét điểm rèn luyện	Từ 05/07/2027 đến 18/07/2027	Đối với SV năm 1; năm 2
	Xét học bổng, khen thưởng năm học	Từ 19/07/2027 đến 01/08/2027	
3.	Học kỳ hè	Từ 05/07/2027 đến 15/08/2027	
4.	Xét tiến độ học tập	Từ 16/08/2027 đến 22/08/2027	

II. Kế hoạch chi tiết

1. Các lớp năm thứ Ba

1.1. Cao đẳng Điều dưỡng Khóa 12

STT	Môn học/ Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	Mô đun 20: Quản lý điều dưỡng và Nghiên cứu điều dưỡng	3	HKI	
2	Mô đun 21: Phục hồi chức năng - Y học cổ truyền	3		
3	Giáo dục Chính trị	5		
4	Tin học	3		
5	Mô đun 13: Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3		
6	Mô đun 9: TTBV CSSK người lớn hệ Nội	6	HKII	

STT	Môn học/ Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
7	Mô đun 11: TTBV CSSK người lớn Bệnh ngoại khoa	4	HKII	
8	Mô đun 14: TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	2		
9	Mô đun 15: TTBV CSSK trẻ em	2		
10	Mô đun 17: TTBV cấp cứu, hồi sức tích cực và truyền nhiễm	3		
11	Môn tự chọn	3		
12	Thực tập tốt nghiệp	5		

1.2. Cao đẳng Chất lượng cao Khóa 1

STT	Môn học/ Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	Tin học	3	HKI	
2	Quản lý điều dưỡng	2		
3	Nghiên cứu Điều dưỡng	3		
4	Giáo dục Chính trị	5		
5	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	3		
6	CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	3		
7	Tự chọn nhóm 1	2		
8	Tin học nâng cao	2	HKII	
9	Tự chọn nhóm 2	2		
10	TTBV CSSK người lớn hệ Nội	5		
11	TTBV CSSK người lớn Bệnh ngoại khoa	3		
12	TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	2		
13	TTBV CSSK trẻ em	2		
14	TTBV cấp cứu, hồi sức tích cực và truyền nhiễm	3		
15	Thực tế tốt nghiệp	4		

Y
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HÀ NỘI

Nguyễn Văn A

1.3. Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh Y học Khóa 11

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	TTBV1	4	HKI	
2	TTBV2	4		
3	KT chụp cộng hưởng từ	3		
4	Giải phẫu Xquang	2		
5	TCYT & Nghiên cứu khoa học	3		
6	KT Chụp cắt lớp vi tính	5		
7	TTBV 3	4	HKII	
8	KT siêu âm	2		Học ở HK1 và xét HB ở HK 2
9	Y học hạt nhân và xạ trị	2		
10	Xquang chẩn đoán	2		
11	Thực tập tốt nghiệp	4		

1.4. Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học khóa 11

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	TTBV Huyết học 1	2	HKI	
2	TTBV Hóa sinh 1	2		
3	TTBV Vi ký sinh 1	2		
4	TTBV Giải phẫu bệnh	2		
5	TCYT & Nghiên cứu khoa học	3		
6	Xét nghiệm độc chất	1		
7	TTBV Hóa sinh 2	2	HKII	
8	TTBV Huyết học 2	2		
9	TTBV Vi ký sinh 2	2		
10	Quản lý khoa xét nghiệm	1		
11	Thực tập tốt nghiệp	4		

Handwritten signature

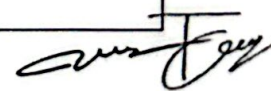
TE
G
Y T
MAI
BAC

1.5. Cao đẳng Kỹ thuật VLTL và PHCN Khóa 11

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	VLTL - PHCN các bệnh lý Cơ xương khớp	2	HKI	
2	VLTL - PHCN các bệnh lý Nội khoa	3		
3	TCYT & Nghiên cứu khoa học	3		
4	PHCN dựa vào cộng đồng	1		
5	Ngôn ngữ trị liệu	2		
6	Quản lý Khoa PHCN	1		
7	TTBV 2	6		
8	VLTL - PHCN các bệnh lý Ngoại khoa	2	HKII	
9	VLTL - PHCN các bệnh lý Nhi khoa	2		
10	VLTL - PHCN các bệnh lý Thần kinh	2		Học ở HK1 và xét HB ở HK 2
11	TTBV 3	6		
12	Thực tập tốt nghiệp	5		

1.6. Cao đẳng Dược K1

STT	Môn học/ Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Ghi chú
1	Kỹ năng thực hành tại cơ sở bán lẻ thuốc	7	HKI	
2	Hoá Dược (Thực hành)	4		
3	Quản lý tồn trữ thuốc (Thực hành)	2		
4	Dược học cổ truyền	3		
5	Dược lâm sàng	6		
6	Bào chế	4	HKII	
7	Kinh tế Dược	3.5		
8	Kiểm nghiệm	3		
9	Thực tế nghề nghiệp	10		



2. Các lớp năm thứ Hai

2.1. Cao đẳng Điều dưỡng Khóa 13

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng	5	HKI	x	
2	Mô đun 6: CSSK Người lớn Nội khoa 1	5		x	
3	Mô đun 18: Dịch tễ & CSSK cộng đồng	3		x	
4	Mô đun 22: Công tác xã hội	2		x	
5	Mô đun 7: CSSK Người lớn Nội khoa 2	5	HKII	x	
6	Mô đun 8: TTBV Điều dưỡng cơ sở	2		x	
7	Mô đun 10: CSSK Người lớn hệ Ngoại	4		x	
8	Mô đun 19: Thực tập cộng đồng	2		x	
9	Tin học	3		x	
10	Mô đun 16: CSNB Cấp cứu, HSTC và Truyền nhiễm	3		x	
11	Mô đun 12: CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
12	Mô đun 13: CSSK trẻ em	3			
13	Mô đun 21: PHCN, Y học cổ truyền	2			
14	Giáo dục Giáo dục Chính trị	5			

Y
TRƯỜNG ĐẠI
BẠCH
VIỆN

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
15	Mô đun 20: Quản lý điều dưỡng và Nghiên cứu điều dưỡng	4	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
16	Mô đun 9: TTBV CSSK người lớn hệ Nội	6			
17	Mô đun 11: TTBV CSSK người lớn hệ Ngoại	4			
18	Mô đun 14: TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	2			
19	Mô đun 15: TTBV CSSK trẻ em	2			
20	Mô đun 17: TTBV Cấp cứu, HSTC và Truyền nhiễm	3			

NG
G Y T
MA
BA

2.2. Cao đẳng Điều dưỡng Chất lượng cao khóa 2

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Kỹ thuật điều dưỡng	5	HKI	x	
2	CSSK Người lớn Nội khoa 1	5		x	
3	Công tác xã hội	2		x	
4	Tiếng anh chuyên ngành	2		x	
5	CSSK Người lớn Nội khoa 2	5	HKII	x	
6	TTBV Điều dưỡng cơ sở	2		x	

✓

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
7	CSSK Người lớn hệ Ngoại	4	HKII	x	
8	CSNB Cấp cứu, HSTC và Truyền nhiễm	3		x	
9	Tin học	3		x	
10	Dịch tễ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng	4		x	
11	CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
12	CSSK trẻ em	3			
13	Quản lý điều dưỡng	2			
14	Nghiên cứu khoa học	2			
15	TTBV CSSK người lớn hệ Nội	6			
16	TTBV CSSK người lớn hệ Ngoại	4			
17	TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh	2			
18	TTBV CSSK trẻ em	2			
19	TTBV Cấp cứu, HSTC và Truyền nhiễm	3			

2.3. Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh Y học Khóa 12

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Tin học	3	HKI	x	
2	Bệnh học Ngoại và Sản	2		x	
3	Bệnh học Nội và Nhi	3		x	
4	Cơ sở vật lý hình ảnh	2		x	
5	Kỹ Thuật chụp X-Quang 1	3		x	
6	Thực tập bệnh viện Nội - Ngoại	2		x	
7	Kỹ thuật xử lý hình ảnh	3		x	

Handwritten signature

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
8	Điện kỹ thuật và bảo dưỡng máy X-Quang	2	HKII	x	Học ở HK1 và xét HB ở HK 2
9	Kỹ Thuật chụp X-Quang 2	3		x	
10	Giải phẫu X-Quang	2		x	
11	Kỹ thuật chụp X-Quang đặc biệt	3		x	
12	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	5		x	
13	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
14	Tổ chức, quản lý Khoa Chẩn đoán hình ảnh và bảo quản máy	1			

2.4. Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học khóa 12

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Tin học	3	HKI	x	
2	Bệnh học Ngoại và Sản	2		x	
3	Bệnh học Nội và Nhi	3		x	
4	Thực tập bệnh viện Nội - Ngoại	2		x	
5	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	2		x	
6	Huyết học 1	2		x	
7	Hóa sinh 1	3		x	
8	Ký sinh trùng	2	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKII
9	Vi sinh	4		x	
10	Giải phẫu bệnh	2		x	
11	Huyết học 2	2		x	
12	Hóa sinh 2	2		x	
13	Thực hành huyết học	4		x	
14	Thực hành hóa sinh	4		x	
15	Thực hành vi ký sinh	4		x	

Handwritten signature

TRƯỜNG
Y DƯỢC
BẠCH
VIỆN

2.5. Cao đẳng Kỹ thuật Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng khóa 12

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Tin học	3	HKI	x	
2	Bệnh học Ngoại và Sản	2		x	
3	Bệnh học Nội và Nhi	3		x	
4	Thực tập bệnh viện Nội - Ngoại	2		x	
5	GPCN hệ thần kinh và vận động	2		x	
6	Sinh cơ học	2		x	
7	Vận động trị liệu	3	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKI
8	Lượng giá chức năng	3		x	
9	Hoạt động trị liệu	2		x	
10	Ngôn ngữ trị liệu	2		x	
11	TTBV 1	2		x	
12	Quản lý Khoa PHCN	1		x	
13	Các phương pháp điều trị bằng tác nhân vật lý	3		x	
14	VLTL-PHCN các bệnh lý cơ xương khớp và cột sống	2	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
15	VLTL-PHCN các bệnh lý hệ Thần kinh	3			

ING
GYT
MAI
BACH

2.6. Cao đẳng Dược K2

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Bệnh học	6	HKI	x	
2	Tin học	3		x	
3	Thực vật	3		x	
4	Hoá phân tích	3		x	
5	Nghiên cứu khoa học	2		x	
6	Hoá dược	4		x	
7	Pháp chế dược	3		x	

Phan
Fay

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
8	Dược liệu	4	HKII	x	
9	Kỹ năng giao tiếp bán hàng	2		x	
10	Quản lý tồn trữ thuốc	2		x	
11	Dược lý	6		x	
12	Kỹ năng thực hành tại cơ sở bán lẻ thuốc	7	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		

3. Các lớp năm thứ Nhất

3.1. Cao đẳng Điều dưỡng khóa 14

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Mô đun 1: Cấu tạo và chức năng cơ thể người	4		x	
3	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK
4	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
5	Mô đun 3: Ý thức, giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	3	HKII	x	
6	Tiếng Anh	4		x	
7	Mô đun 2: Đại cương sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	4		x	
8	Mô đun 4: Điều dưỡng cơ sở ngành	4		x	
9	Giáo dục Chính trị	5		x	
10	Tin học	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
11	Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng	5			
12	Mô đun 6: CSSK người lớn nội khoa 1	5			
13	Mô đun 7: CSSK người lớn nội khoa 2	5			
14	Mô đun 22: Công tác xã hội	2			

3.2. Cao đẳng Điều dưỡng CLC Khóa 3

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Cấu tạo và chức năng cơ thể người	4		x	
3	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK
4	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
5	Y đức, giao tiếp và giáo dục sức khỏe trong thực hành điều dưỡng	3	HKII	x	
6	Tiếng Anh	4		x	
7	Tiếng Anh nâng cao	2		x	
8	Đại cương sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	4		x	
9	Điều dưỡng cơ sở ngành	4		x	
10	Giáo dục Chính trị	5		x	
11	Tin học	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
12	Kỹ thuật điều dưỡng	5			
13	CSSK người lớn nội khoa 1	5			
14	CSSK người lớn nội khoa 2	5			
15	Công tác xã hội	2			

3.3. Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh Y học khóa 13

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Vi sinh vật – Ký sinh trùng	2		x	
3	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK
5	Giáo dục Chính trị	5		x	

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
6	Kỹ năng giao tiếp và Công tác xã hội	3	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKII
7	Giải phẫu Sinh lý – Sinh học di truyền	5		x	Học từ HKI và xét HB HKII
8	Tiếng Anh	4		x	Học từ HKI và xét HB HKII
9	DD-VSATTP-DT-SK VSMT	3		x	
10	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2		x	
11	Dược lý - Sinh lý bệnh	3		x	
12	Hóa sinh	2		x	
13	Tin học	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
14	Bệnh học Nội và nhi	3			
15	Bệnh học Ngoại và sản	2			

3.4. Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học Khóa 13

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
3	Giáo dục Chính trị	5		x	
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK
5	Kỹ năng giao tiếp và Công tác xã hội	3	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKII
6	Giải phẫu Sinh lý – Sinh học di truyền	5		x	Học từ HKI và xét HB HKII
7	Tiếng Anh	4		x	Học từ HKI và xét HB HKII
8	DD-VSATTP-DT-SK VSMT	3		x	
9	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2		x	
10	Dược lý - Sinh lý bệnh	3		x	
11	Tin học	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
12	Bệnh học Nội và nhi	3			
13	Bệnh học Ngoại và sản	2			

Handwritten signature

3.5. Cao đẳng Kỹ thuật VLTL và PHCN Khóa 13

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Vi sinh vật – KST	2		x	
3	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
4	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK
5	Giáo dục Chính trị	5		x	
6	Kỹ năng giao tiếp và Công tác xã hội	3	HKII	x	Học từ HKI và xét HB HKII
7	Giải phẫu Sinh lý – Sinh học di truyền	5		x	Học từ HKI và xét HB HKII
8	Tiếng Anh	4		x	Học từ HKI và xét HB HKII
9	DD-VSATTP-DT-SK VSMT	3		x	
10	Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu	2		x	
11	Dược lý - SLB	3		x	
12	Hóa sinh	2		x	
13	Tin học	3	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
14	Bệnh học Nội và nhi	3			
15	Bệnh học Ngoại và sản	2			

3.6. Dược Khóa 3

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
1	Pháp luật	2	HKI	x	
2	Hóa học – Hóa sinh	3		x	
3	Vi sinh vật – Ký sinh trùng	2		x	

Nguyễn Thanh

STT	Môn học/Mô đun	Số tín chỉ	Các môn sử dụng để xét học bổng	Các môn sử dụng để xét tiến độ học tập	Ghi chú
4	Giải phẫu sinh lý	2.5	HKI	x	
5	Giáo dục thể chất	2			Môn ĐK
6	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3			Môn ĐK
7	Giáo dục Chính trị	5	HKII	x	
8	Tiếng Anh	4		x	
9	Kỹ năng giao tiếp & Công tác xã hội	3		x	
10	Bệnh học	6	Môn học/ Mô-đun bắt đầu năm học 2026-2027, kết thúc năm học 2027-2028		
11	Hóa phân tích	4			
12	Thực vật	3			
13	Tin học	3			

Nơi nhận:

- Các Khoa/Phòng;
- Lưu: VPT, QLĐTNCKH.



Đào Xuân Cơ

Văn bản này được trích xuất ra từ module quản lý văn bản của hệ thống M-Office bởi ĐỒ THỊ THANH QUỲNH_29448@bm.com.vn 13h21 ngày 22/08/2026, đảm bảo khớp đúng với nội dung đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, ban hành.
 Chữ ký người trích xuất văn bản:.....
 Số chuyển hóa:..... (Số thứ tự năm trích xuất).